

Bản án số: 151/2024/KDTM-ST

Ngày: 09/7/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Hữu Cường;

2. Ông Phạm Văn Hoàng.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 144/2023/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8493/2024/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10347/2024/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Kỹ nghệ T.

Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà MH, Số 728-730 X, Phường Y, Quận Z, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M (Có mặt)

Địa chỉ: 15A/1 X, phường Y, Quận Z, Thành phố H (Giấy ủy quyền số: 2407/UQ/TC ngày 24/7/2023).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh L – Luật sư Văn phòng Luật sư F – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Địa chỉ: 15A/1 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Bị đơn:* Công ty cổ phần Phát triển Nhà Đ

Địa chỉ: 68 đường T, phường Y, Quận Z, Thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

1. Bà Võ Thị Tường V (Vắng mặt);

2. Bà Bùi Thị Ngọc N (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 68 đường T, phường Y, Quận Z, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 964 ngày 26/12/2023).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 24/7/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 2856/2018/HĐ-TCXD ngày 06/11/2018. Theo đó, nguyên đơn là nhà thầu thực hiện gói thầu “Thi công hệ thống MEP công trình chung cư lô H” thuộc Công trình chung cư lô H, khu nhà ở K, phường S, quận Đ, TP. Hồ Chí Minh do bị đơn làm chủ đầu tư. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành các hạng mục thi công, bàn giao cho bị đơn đúng theo thỏa thuận của hợp đồng.

Năm 2021, hai bên lập Bảng tổng hợp giá trị quyết toán với tổng giá trị hợp đồng sau quyết toán (bao gồm VAT) là: 27.249.300.096 đồng. Trong đó, bị đơn đã thanh toán được 24.191.686.597 đồng, giá trị còn lại bị đơn chưa thanh toán là: 3.057.613.499 đồng.

Ngày 19/4/2022, hai bên ký Biên bản nghiệm thu kết thúc bảo hành số 01/TDH/NTKTBH. Ngày 25/5/2022, ký Biên bản thanh lý hợp đồng, theo đó hai bên xác nhận: Nhà thầu đã thực hiện hoàn thành khối lượng công việc theo Hợp đồng số 2856/2018/HĐ-TCXD; Chủ đầu tư còn phải thanh toán cho nhà thầu số tiền: 3.057.613.499 đồng (ba tỷ không trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng) sau khi nhà thầu cung cấp đầy đủ hóa đơn thanh toán.

Nguyên đơn đã xuất và cung cấp cho bị đơn đủ 06 Hóa đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị sau thuế VAT là 27.249.300.096 đồng gồm:

<b>STT</b>	<b>Số hóa đơn</b>	<b>Ngày phát hành</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị (bao gồm VAT)</b>
1	0000250	10/4/2019	Thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 1	1.642.306.140đ
2	0000272	08/7/2019	Thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 3	2.955.498.185đ
3	0000277	15/8/2019	Thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 3	4.115.016.584đ
4	0000296	29/11/2019	Thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 4	5.860.196.101đ

5	0000394	30/12/2019	Thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 5	10.038.378.987đ
6	00000001	02/4/2022	Thanh toán khối lượng giá trị quyết toán	2.637.904.099đ
<b>Tổng</b>				<b>27.249.300.096đ</b>

Ngày 02/4/2022, cùng với việc xuất hóa đơn thanh toán khối lượng quyết toán, nguyên đơn đã gửi cho bị đơn thư đề nghị thanh toán số tiền nợ còn lại. Vào các ngày 07/7/2022 và 05/01/2023, nguyên đơn tiếp tục gửi công văn đề nghị thanh toán nhưng bị đơn vẫn không phản hồi, không thanh toán.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày khởi kiện 21/5/2024 là 3.666.623.085 đồng, bao gồm:

1. Công nợ còn lại số tiền là: 3.057.613.499 đồng;

2. Tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và hướng dẫn tại án lệ số 09/2016 ngày 17/10/2016 của TAND Tối cao với mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng thương mại là 14,4%/năm cho thời gian chậm thanh toán. Tuy nhiên để tạo điều kiện cho bị đơn thanh toán, nguyên đơn tự nguyện giảm một phần lãi suất, yêu cầu áp dụng mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 25/5/2022 và tạm tính đến ngày 21/5/2024 (727 ngày) là 3.057.613.499 đồng x 10%/năm x 727 ngày = 609.009.586 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu tính lãi về thời gian bắt đầu tính lãi, cụ thể: Căn cứ điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng thi công tại mục 5.3.3 khoản 5.3 Điều 5 quy định “*Đối với đợt quyết toán: Nhà thầu được thanh toán không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhà thầu nộp đủ hồ sơ hợp lệ*”; và mục 25.2.3 khoản 25.2 Điều 25 quy định “*Phạt do Chủ đầu tư chậm thanh toán cho Nhà thầu: chịu phạt 100% lãi suất cho số tiền chậm thanh toán tính theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố kể từ ngày chậm thanh toán đối với khoản tiền chậm thanh toán (21 ngày sau thời hạn quy định tại khoản 5.3.3, Mục 5.3 – Thanh toán, Điều 5 - Giá trị hợp đồng, tạm ứng và thanh toán) cho đến khi Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.*” và việc xuất hóa đơn VAT điện tử. Mặc dù nguyên đơn xuất hóa đơn VAT cho đợt quyết toán cuối vào ngày 02/4/2022 và đã gửi thông báo yêu cầu bị đơn thanh toán nợ còn lại. Tuy nhiên, đến ngày 25/5/2022 hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả sau 60 ngày làm việc cộng thêm 21 ngày kể từ ngày 25/5/2022, tức bắt đầu tính lãi từ ngày 08/9/2022 đến ngày 09/7/2024 (22 tháng) với số tiền là: 3.057.613.499 đồng x 10%/năm x 22 tháng = 560.562.475 đồng.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng nợ gốc và lãi số tiền là: 3.618.175.974 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

*Ông Nguyễn Thanh L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*2. Bị đơn là Công ty cổ phần Phát triển Nhà Đ, có ủy quyền cho bà Võ Thị Tường V và bà Bùi Thị Ngọc N đại diện tham gia tố tụng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng họ đều vắng mặt.*

*3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập họ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng họ đều vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền công nợ còn lại là tranh chấp phát sinh từ quan hệ giao kết hợp đồng thi công giữa hai pháp nhân, bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện:

Xét, Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán bắt đầu từ ngày 25/5/2022, là ngày hai bên ký Biên bản thanh lý hợp đồng nhưng tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi về thời gian bắt đầu tính lãi chậm trả sau 60 ngày làm việc cộng thêm 21 ngày kể từ ngày 25/5/2022, tức bắt đầu tính lãi từ ngày 08/9/2022 đến ngày xét xử là thay đổi nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Xét, theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh ngày 20/11/2023, có cơ sở xác định: Bị đơn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: X, đăng ký lần đầu ngày 15/6/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 22/9/2023, địa chỉ trụ sở chính tại: 68 đường T, phường Y, Quận Z, Thành phố H; có người đại diện theo pháp luật là ông Đàm Mạnh C, sinh năm 1984. Ông Đàm Mạnh C lập Giấy ủy quyền số: 964/UQ-TDH ngày 26/12/2023 ủy quyền cho bà Võ Thị Tường V và bà Bùi Thị Ngọc N cùng địa chỉ liên hệ tại 68 đường T, phường Y, Quận Z, Thành phố H đại diện tham gia tố tụng. Tại bản khai ngày 27/12/2023, người đại diện của bị đơn trình bày đã được sao chụp toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và sẽ nộp bản tự khai trong thời hạn 10 ngày, sau đó Tòa án đã triệu tập họ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng họ đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 3.057.613.499 đồng.

Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 2856/2018/HĐ-TCXD ngày 06/11/2018 về thực hiện gói thầu “*Thi công hệ thống MEP công trình chung cư lô H*” thuộc Công trình chung cư lô H, khu nhà ở Bình Chiểu, phường Bình Chiểu, quận Đ, Tp. Hồ Chí Minh do bị đơn làm chủ đầu tư với giá trị hợp đồng là 26.880.000.000 đồng. Hai bên đã kết thúc thực hiện hợp đồng, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng với tổng giá trị quyết toán 27.249.300.096 đồng (bao gồm VAT) là phù hợp với thỏa thuận về thay đổi, điều chỉnh giá hợp đồng tại Điều 6 của Hợp đồng, đồng thời phù hợp hình thức và nội dung quy định tại Điều 138, Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014 nên được công nhận hiệu lực.

Xét, hai bên lập Biên bản nghiệm thu kết thúc bảo hành số 01/TDH/NTKTBH ngày 19/4/2022, lập Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/5/2022 quyết toán đối chiếu công nợ xác nhận: “*Tổng giá trị bên A đã thanh toán là 24.191.686.597 đồng, bên A còn phải thanh toán cho bên B số tiền là 3.057.613.499 đồng... Bên B đã hoàn tất mọi vấn đề liên quan đến nghĩa vụ như thỏa thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B số tiền còn lại sau khi bên B cung cấp cho bên A đủ hóa đơn tài chính*”. Bên B là nguyên đơn đã xuất 06 Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) với giá trị sau thuế đúng với tổng giá trị quyết toán là 27.249.300.096 đồng, gồm các hóa đơn: số 0000250 ngày 10/4/2019, số 0000272 ngày 08/7/2019, số 0000277 ngày 15/8/2019, số 0000296 ngày 29/11/2019, số 0000394 ngày 30/12/2019 và số 00000001 ngày 02/4/2022. Đồng thời, nguyên đơn đã gửi thư yêu cầu vào các ngày 02/4/2022, ngày 07/7/2022 và ngày 05/01/2023 nhưng bị đơn không thực hiện việc thanh toán đủ giá trị quyết toán cho nguyên đơn

là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại mục 5.3.3 khoản 5.3 Điều 5 và Điều 24 của Hợp đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền công nợ còn lại 3.057.613.499 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả:

Xét, tại Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 2856/2018/HĐ-TCXD ngày 6/11/2018 hai bên có thỏa thuận tại mục 5.3.3 khoản 5.3 Điều 5 về giá trị hợp đồng, tạm ứng và thanh toán “... Đối với đợt quyết toán: Nhà thầu được thanh toán không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhà thầu nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ...” và tại mục 25.2.3 khoản 25.2 Điều 25 về “Phạt do Chủ đầu tư chậm thanh toán cho Nhà thầu: chịu phạt 100% lãi suất cho số tiền chậm thanh toán tính theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố kể từ ngày chậm thanh toán đối với khoản tiền chậm thanh toán (21 ngày sau thời hạn quy định tại khoản 5.3.3, Mục 5.3 – Thanh toán, Điều 5 - Giá trị hợp đồng, tạm ứng và thanh toán) cho đến khi Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.”. Tại Điều 2 và Điều 3 của Biên bản thanh lý hợp đồng xây dựng ngày 25/5/2022 đã xác định “Bên A (bị đơn) còn phải thanh toán cho bên B (nguyên đơn) số tiền: 3.057.613.499 đồng (Ba tỷ, không trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm mười ba nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng) sau khi bên B cung cấp cho bên A đủ hóa đơn tài chính”. Từ ngày 10/4/2019 đến ngày 02/4/2022, nguyên đơn đã xuất 06 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử với tổng giá trị sau thuế là 27.249.300.096 đồng. Như vậy, thời điểm hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng thì nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn đủ hóa đơn tài chính nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ còn lại nên bị đơn phải chịu tiền lãi của số tiền chậm trả.

Xét, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm là thấp hơn so với mức lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm hiện nay của ba ngân hàng thương mại quy định tại Điều 306 Luật Thương mại (mức lãi trong hạn trung bình của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Trung tâm Sài Gòn công bố vào tháng 6/2024 là 10,03%/năm); không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận.

Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả bắt đầu tính từ ngày 08/9/2022 đến ngày 09/7/2024 với số tiền: 3.057.613.499 đồng x 10%/năm x 22 tháng = 560.562.475 đồng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét quá trình chuẩn bị xét xử, Toà án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án và triệu tập bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tham gia tố tụng, tham gia phiên toà để giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phía bị đơn vắng mặt được xem là họ đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

[2.4] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

[2.5] Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng nợ gốc và lãi số tiền là:  $3.057.613.499 + 560.562.475 = 3.618.175.974$  đồng (Ba tỷ sáu trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 138, Điều 147 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008; sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần Phát triển Nhà Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Kỹ Nghệ T tổng cộng nợ gốc và lãi số tiền là 3.618.175.974 đồng (Ba tỷ sáu trăm mười tám triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty cổ phần Phát triển Nhà Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần Phát triển Nhà Đ phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 104.363.519 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm mười chín đồng).

Hoàn lại cho Công ty cổ phần Kỹ Nghệ T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là: 51.666.684 đồng (Năm mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số:

000000695626 ngày 04 tháng 10 năm 2023 nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (Mã thông báo: 960L7JQOG4).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Ánh**